| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ HOÀI NHƠN**<br>**TỈNH BÌNH ĐỊNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 117/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16-4-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Huỳnh Long Nhiên

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Phan Á

Ông Nguyễn Hữu Tố

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Hồng Tuyền - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định*** *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Lân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 492/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn A, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

*2. Bị đơn:* Chị Võ Thị Thu T1, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn K, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*+ Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Đức T trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị T1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định vào ngày 15/9/2020 (Giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 15/9/2020). Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không hạnh phúc. Hai vợ chồng không còn sống chung từ tháng 02/2022 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị T1.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Võ Cẩm T2, sinh ngày 13/02/2021, hiện con đang ở với anh T. Khi ly hôn, anh T yêu cầu nuôi 01 con chung và không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Võ Thị Thu T1 không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của anh T, không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo và giấy báo.

*+ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, cho ly hôn với chị T1; về con chung: giao 01 con chung cho anh T nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu; về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung nên theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự quan hệ pháp luật được xác định là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn chị T1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn K, xã H, thị xã H, tỉnh Bình

Định nên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn chị T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Qua xác minh tại Công an xã H thì chị T1 có hộ khẩu thường trú tại Thôn K, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định, tàng thư không có thông tin, tài liệu thể hiện chị T1 đã chuyển khẩu đi nơi khác và nơi cư trú hiện nay của chị T1. Vì chị T1 cố tình trốn tránh, không hợp tác, thường xuyên vắng mặt tại địa phương không rõ khi nào trở về nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng để chị T1 biết và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình. Trong thời gian giải quyết vụ án, chị T1 không nộp văn bản ghi ý kiến của mình, không chấp hành việc triệu tập của Tòa án. Do đó, Tòa án không lấy ý kiến của chị T1 liên quan đến yêu cầu khởi kiện của anh T được. Chị T1 không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ theo quy định tại các Điều 91; 96 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nên phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4] Về hôn nhân: Anh T và chị T1 tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Tuy nhiên, sau khi kết hôn, vợ chồng không hạnh phúc, không có tiếng nói chung, không có sự thương yêu, quý trọng hay chăm sóc, giúp đỡ nhau và thực tế là cả hai đã sống ly thân một thời gian dài, bỏ mặc nhau từ năm 2022 cho đến nay, cho thấy hôn nhân giữa anh T và chị T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho anh T được ly hôn chị T1.

[5] Việc nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Võ Cẩm T2, sinh ngày 13/02/2021, hiện con đang ở với anh T. Xét thấy để đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con, đảm bảo sự tôn trọng về nguyện vọng của anh T cũng như sự gắn bó thân thiết của cháu T2 với cha, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, giao cháu T2 cho

anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức T.

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T được ly hôn chị Võ Thị Thu T1.

- Về nuôi con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn Võ Cẩm T2, sinh ngày 13/02/2021 cho anh Nguyễn Đức T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng cho con theo qui định của pháp luật.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006961 ngày 06 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- UBND xã Hoài Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Long Nhiên**